

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm biến đổi theo triều; mực nước thấp nhất biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 12/02 đến 16/02/2025

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		11/2	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.28	-0.46	0.04	1.34	1.34	1.31	1.28	1.25
						Min	-0.26	-0.36	-0.57	-0.28	-0.30	-0.28	-0.26	-0.22
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.42	-0.35	0.22	1.44	1.44	1.41	1.38	1.35
						Min	-0.37	-0.31	-0.35	-0.39	-0.41	-0.39	-0.37	-0.33
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	1.24	-0.28	0.02	1.26	1.26	1.23	1.20	1.17
						Min	0.27	-0.30	-0.28	0.24	0.21	0.18	0.17	0.17
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.51	-0.28	0.24	1.54	1.54	1.51	1.48	1.45
						Min	-0.22	-0.31	-0.44	-0.24	-0.26	-0.24	-0.22	-0.18
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.60	-0.36	0.30	1.60	1.60	1.57	1.54	1.51
						Min	-0.33	-0.26	-0.17	-0.35	-0.37	-0.35	-0.33	-0.29
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.43	-0.39	0.19	1.45	1.45	1.42	1.39	1.36
						Min	-0.35	-0.31	-0.42	-0.37	-0.39	-0.37	-0.35	-0.31
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.49	-0.08	0.03	0.45	0.43	0.41	0.38	0.33
						Min	0.12	-0.13	-0.10	0.10	0.08	0.06	0.04	0.04
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.33	-0.01	0.02	0.30	0.30	0.28	0.26	0.25
						Min	0.23	-0.05	-0.04	0.21	0.20	0.18	0.17	0.16
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.61	-0.07	0.14	0.60	0.58	0.56	0.53	0.51
						Min	0.22	-0.11	-0.01	0.19	0.17	0.15	0.13	0.13
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.71	-0.02	0.27	0.70	0.68	0.66	0.63	0.61
						Min	0.46	-0.08	0.13	0.43	0.41	0.39	0.37	0.37
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.36	-0.01	0.11	0.33	0.31	0.29	0.28	0.27
						Min	0.21	-0.05	0.03	0.19	0.18	0.16	0.15	0.14
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	0.85	-0.04	0.27	0.84	0.82	0.80	0.77	0.75
						Min	0.59	-0.11	0.17	0.56	0.54	0.52	0.50	0.50
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	1.18	-0.09	0.33	1.17	1.15	1.13	1.10	1.08
						Min	0.55	-0.17	0.06	0.52	0.50	0.48	0.46	0.46
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	0.87	-0.02	0.17	0.86	0.84	0.82	0.79	0.77
						Min	0.53	-0.10	0.04	0.50	0.48	0.46	0.44	0.44

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>